

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **56** /2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **31** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hệ thống đường bộ
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an
toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận
tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định
về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải
trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng
siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp
giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận
chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5306/TTr-SXD ngày
17 tháng 12 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định một số nội dung
về quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh
Quảng Trị.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về
quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh
Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **31** tháng **12** năm 2025.
Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

n
mm

1. Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình.

3. Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định về Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

4. Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

5. Quyết định 45/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTXD. *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý hệ thống đường bộ
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Phân cấp quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Điều chỉnh loại đường bộ; Đặt số hiệu đường xã, đường thôn; Lập, phê duyệt và thực hiện Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Công bố, cập nhật, điều chỉnh tải trọng, khổ giới hạn đường bộ; Kết nối giao thông và đầu nối đường bộ địa phương theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều 8 và khoản 5 Điều 30 Luật số 35/2024/QH15 được điều chỉnh bởi điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

2. Các nội dung khác về quản lý đường bộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, ĐIỀU CHỈNH LOẠI ĐƯỜNG BỘ; ĐẶT SỐ HIỆU ĐƯỜNG XÃ, ĐƯỜNG THÔN

Điều 3. Phân cấp quản lý

1. Sở Xây dựng tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với đường tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các loại đường trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý, gồm:

- Đường đô thị.
- Đường xã.
- Đường thôn.
- Đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ.

Điều 4. Điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý

1. Khi có thay đổi trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Xây dựng tổ chức rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh đối với đường tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã thông kê danh mục theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh đối với đường đô thị, đường xã để bảo đảm phù hợp với quy hoạch và thực tế quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thông kê các tuyến hoặc đoạn tuyến đường huyện có trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trong phạm vi địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh thành đường xã trước ngày 30 tháng 3 năm 2026.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thông kê các loại đường địa phương thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

Điều 5. Đặt số hiệu đường xã, đường thôn

Không bắt buộc đặt số hiệu đối với đường xã, đường thôn nhưng trong trường hợp cần thiết, việc đặt số hiệu phải thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

1. Khuyến khích đặt số hiệu đường xã, đường thôn

a) Số hiệu đường xã bao gồm: chữ “ĐX.” sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.

b) Số hiệu đường thôn bao gồm: chữ “Đth.” sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.

c) Trường hợp đường thứ hai trở lên sử dụng ký hiệu và số tự nhiên đã đặt cho đường khác thì liên kế sau số tự nhiên phải thêm vào một trong các chữ cái B, C, D, E, F, G, H, I, K, L, M, N để đặt cho đường thứ hai và các đường tiếp theo.

d) Số tự nhiên (sau chữ “ĐX.”) trong số hiệu đường xã và số tự nhiên (sau chữ “Đth.”) trong số hiệu đường thôn của các xã, đặc khu quy định ở bảng sau:

Tên xã, đặc khu	Số tự nhiên	
	Đường xã	Đường thôn
Xã Dân Hoá	1-14	1-50
Xã Tuyên Lâm	15-28	51-100
Xã Tuyên Sơn	29-42	101-150
Xã Minh Hoá	43-56	151-200
Xã Tân Thành	57-70	201-250
Xã Kim Phú	71-84	251-300

Tên xã, đặc khu	Số tự nhiên	
	Đường xã	Đường thôn
Xã Kim Ngân	491-504	1751-1800
Xã Hướng Lập	505-518	1801-1850
Xã Hướng Phùng	519-532	1851-1900
Xã Hướng Hiệp	533-546	1901-1950
Xã Bến Quan	547-560	1951-2000
Xã Cồn Tiên	561-574	2001-2050

Tên xã, đặc khu	Số tự nhiên	
	Đường xã	Đường thôn
Xã Kim Điền	85-98	301-350
Xã Đồng Lê	99-112	351-400
Xã Tuyên Phú	113-126	401-450
Xã Tuyên Bình	127-140	451-500
Xã Tuyên Hoá	141-154	501-550
Xã Phú Trạch	155-168	551-600
Xã Hoà Trạch	169-182	601-650
Xã Quảng Trạch	183-196	651-700
Xã Trung Thuần	197-210	701-750
Xã Tân Gianh	211-224	751-800
Xã Nam Ba Đồn	225-238	801-850
Xã Nam Gianh	239-252	851-900
Xã Phong Nha	253-266	901-950
Xã Thượng Trạch	267-280	951-1000
Xã Bố Trạch	281-294	1001-1050
Xã Bắc Trạch	295-308	1051-1100
Xã Đông Trạch	309-322	1101-1150
Xã Hoàn Lão	323-336	1151-1200
Xã Nam Trạch	337-350	1201-1250
Xã Quảng Ninh	351-364	1251-1300
Xã Ninh Châu	365-378	1301-1350
Xã Trường Ninh	379-392	1351-1400
Xã Trường Sơn	393-406	1401-1450
Xã Lệ Ninh	407-420	1451-1500
Xã Lệ Thủy	421-434	1501-1550
Xã Cam Hồng	435-448	1551-1600
Xã Trường Phú	449-462	1601-1650
Xã Tân Mỹ	463-476	1651-1700
Xã Sen Ngư	477-490	1701-1750

Tên xã, đặc khu	Số tự nhiên	
	Đường xã	Đường thôn
Xã Vĩnh Linh	575-588	2051-2100
Xã Vĩnh Hoàng	589-602	2101-2150
Xã Vĩnh Thủy	603-616	2151-2200
Xã Bến Hải	617-630	2201-2250
Xã Gio Linh	631-644	2251-2300
Xã Hiếu Giang	645-658	2301-2350
Xã Cửa Việt	659-672	2351-2400
Xã Nam Cửa Việt	673-686	2401-2450
Xã Cửa Tùng	687-700	2451-2500
Xã Cam Lộ	701-714	2501-2550
Xã Ái Tử	715-728	2551-2600
Xã Triệu Phong	729-742	2601-2650
Xã Triệu Cơ	743-756	2651-2700
Xã Triệu Bình	757-770	2701-2750
Xã Vĩnh Định	771-784	2751-2800
Xã Mỹ Thủy	785-798	2801-2850
Xã Diên Sanh	799-812	2851-2900
Xã Hải Lăng	813-826	2901-2950
Xã Nam Hải Lăng	827-840	2951-3000
Xã Ba Lòng	841-854	3001-3050
Xã Khe Sanh	855-868	3051-3100
Xã Đakrông	869-882	3101-3150
Xã Lao Bảo	883-896	3151-3200
Xã Tân Lập	897-910	3201-3250
Xã Lìa	911-924	3251-3300
Xã A Dơi	925-938	3301-3350
Xã Tà Rụt	939-952	3351-3400
Xã La Lay	953-966	3401-3450
Đặc khu Cồn Cỏ	967-980	3451-3500

2. Thẩm quyền đặt số hiệu đường xã, đường thôn

- Ủy ban nhân dân tỉnh đặt số hiệu đường xã.
- Ủy ban nhân dân cấp xã đặt số hiệu đường thôn.

Chương III
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC,
BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; CÔNG BỐ, CẬP NHẬT,
ĐIỀU CHỈNH TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Lập và phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ (sau đây gọi tắt là “Kế hoạch bảo trì đường bộ”) sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Lập, phê duyệt nhu cầu và Kế hoạch bảo trì đường bộ do Sở Xây dựng quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, nhu cầu khai thác vận tải, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ; tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật; Sở Xây dựng tổ chức lập nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các công việc quy định tại khoản 1 Điều này (trong đó: Nhu cầu bảo dưỡng thường xuyên được lập trên cơ sở sản phẩm dịch vụ công chu kỳ 03 năm; nhu cầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất lập danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau), trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước ngày 30 tháng 6 hàng năm sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Căn cứ nhu cầu bảo trì được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại điểm a khoản này, Sở Xây dựng tổ chức lập và thẩm định các dự án sửa chữa, dự toán các công việc bảo dưỡng công trình đường bộ trước ngày 30 tháng 10 hàng năm; Trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng được phép điều chỉnh cục bộ chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa, giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông trong phạm vi kinh phí của danh mục được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận. Đồng thời tổng hợp nhu cầu vốn, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ ngân sách cho kế hoạch bảo trì năm sau.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng năm sau, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch bảo trì đường bộ năm sau (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính).

Trường hợp nguồn vốn được giao không đủ để thực hiện toàn bộ công việc theo nhu cầu vốn tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch bảo trì năm sau cần xem xét đến mức độ ưu tiên theo thứ tự như sau: Bảo dưỡng thường xuyên; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông

đường bộ, an toàn khi vận hành khai thác các bến phà, cầu phao, hầm đường bộ; công việc cần thiết khác.

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch bảo trì, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án thuộc danh mục Kế hoạch bảo trì tại điểm c khoản này để triển khai thực hiện.

3. Lập, phê duyệt nhu cầu và kế hoạch bảo trì đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, nhu cầu khai thác vận tải, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ; tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các công việc quy định tại khoản 1 điều này) trước ngày 30 tháng 5 hàng năm. Khái toán tổng nhu cầu vốn theo nhu cầu bảo trì; dự kiến danh mục công việc, dự án ưu tiên thực hiện trên cơ sở nhu cầu bảo trì và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Đồng thời, đề xuất danh mục dự án và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Căn cứ danh mục công việc, dự án ưu tiên thuộc nhu cầu bảo trì đường bộ của địa phương, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và quy định về phân bổ vốn ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng xem xét và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh mức vốn hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh cho quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Căn cứ nhu cầu tại điểm a khoản này, mức vốn được hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã phân bổ nguồn vốn cho quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của địa phương năm sau.

Căn cứ nguồn vốn được Hội đồng nhân dân cấp xã phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Kế hoạch bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp nguồn vốn được giao không đủ để thực hiện toàn bộ công việc theo nhu cầu vốn tại điểm a khoản này, việc phê duyệt Kế hoạch bảo trì đường bộ cần xét đến thứ tự ưu tiên các danh mục công việc nêu tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Điều chỉnh Kế hoạch bảo trì đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Điều chỉnh Kế hoạch bảo trì đường bộ do Sở Xây dựng quản lý

Trường hợp cần điều chỉnh danh mục, khối lượng công việc trong Kế hoạch bảo trì đã được phê duyệt hoặc bổ sung công trình sửa chữa đột xuất để bảo đảm an toàn giao thông, khắc phục hậu quả thiên tai, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, rà soát, kiểm tra hiện trường để xác định mức độ hư hỏng, đề xuất quy mô và giải pháp sửa chữa trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bảo trì đường bộ.

b) Điều chỉnh Kế hoạch bảo trì đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều chỉnh Kế hoạch bảo trì đường bộ bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế việc thực hiện Kế hoạch và khả năng cân đối của Ngân sách địa phương.

Điều 7. Thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì đường bộ đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả sử dụng vốn theo quy định của Pháp luật. Việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình đường bộ theo chất lượng thực hiện; thời hạn hợp đồng bảo trì theo chất lượng thực hiện; lập hồ sơ và ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT.

b) Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp.

2. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Nội dung và thời gian báo cáo

Báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT.

b) Trách nhiệm báo cáo

Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp.

Điều 8. Công bố tải trọng, khổ giới hạn đường bộ; cập nhật, điều chỉnh tải trọng, khổ giới hạn đường bộ

1. Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật số liệu về tải trọng, khổ giới hạn đường bộ theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BXD quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ và gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 3 hàng năm) và trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp tại Quy định này.

2. Sở Xây dựng tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn đường bộ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 3 hàng năm); công bố điều chỉnh tải trọng, khổ giới hạn đường bộ chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đối với đường bộ địa phương và đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp tại Quy định này.

3. Nội dung công bố, cập nhật, điều chỉnh tải trọng, khổ giới hạn đường bộ: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 12/2025/TT-BXD.

Chương IV

KẾT NỐI GIAO THÔNG VÀ ĐẦU NỐI ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Kết nối giao thông các tuyến đường bộ địa phương trong trường hợp chưa có quy hoạch

1. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận vị trí đầu nối đường nhánh vào đường đô thị, đường xã, đường thôn đang khai thác thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc xác định vị trí đầu nối mới đường nhánh vào đường bộ đang khai thác phải bảo đảm về không gian để thiết kế, xây dựng nút giao tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và đảm bảo an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường. Đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan trong khu vực. Đối với vị trí đầu nối mới đường nhánh vào đường tỉnh, trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, Sở Xây dựng phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có điểm đầu nối về sự cần thiết của công trình, phương án giải phóng mặt bằng để xây dựng nút giao hoặc xây dựng đường gom kết nối; ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị đối với các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Điều 10. Trình tự, thủ tục chấp thuận vị trí đầu nối đường bộ địa phương chưa có trong quy hoạch

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối đường bộ nộp 01 bộ hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối vào đường bộ đang khai thác (bản chính) theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Hồ sơ thuyết minh đề xuất đầu nối, sơ họa vị trí khu vực đầu nối; các văn bản liên quan (nếu có) như sau: Bản chính hoặc bản sao chủ trương đầu tư công trình, dự án có liên quan đến nút giao đề nghị đầu nối, quy hoạch được duyệt của dự án, thiết kế nút giao đầu nối.

2. Trình tự tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính

a) Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ thì có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Đối với đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối vào đường tỉnh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng gửi văn bản đến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lấy ý kiến về các nội dung liên quan đến quy hoạch thuộc địa phương quản lý, sự cần thiết của công trình, phương án giải phóng mặt bằng để xây dựng nút giao hoặc xây dựng đường gom kết nối.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời Sở Xây dựng.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí đầu nối. Trường hợp không đủ điều kiện chấp thuận thì Sở Xây dựng phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và văn bản trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối vào đường tỉnh theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp không chấp thuận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Đối với trường hợp đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối vào đường xã, đường đô thị, đường thôn: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản chấp thuận vị trí đầu nối theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp không chấp thuận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 11. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý tại Điều 3 Quy định này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công nút giao đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối.

c) Văn bản chấp thuận vị trí đầu nối của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp điểm đầu nối chưa có quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền duyệt).

d) Văn bản giao làm chủ đầu tư nút giao hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có hạng mục nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác.

2. Trình tự tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu chưa đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

b) Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu chưa đủ thì có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối theo quy định tại Điều 12 Quy định này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đấu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

4. Các trường hợp thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác không phải thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

a) Nút giao thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; hoặc nút giao thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Sở Xây dựng là cơ quan thẩm định hồ sơ thiết kế.

b) Nút giao thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này.

c) Nút giao thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đấu nối vào đường thôn; đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị.

Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối theo hình thức trực tiếp hoặc gửi gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý tại Điều 3 Quy định này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nút giao được duyệt; Thuyết minh và bản vẽ biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao.

2. Trình tự tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp: Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu chưa đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

b) Đối với hồ sơ nộp gián tiếp: Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu chưa đủ thì chậm nhất trong 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác như sau:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, hiệu lực của giấy phép thi công bằng tiến độ thực hiện dự án.

b) Đối với các trường hợp khác quy định tại điểm a khoản này, thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công nút giao đầu nối.

c) Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đầu nối vào đường bộ địa phương đang khai thác thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp giấy phép thi công.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì cầu hạ tầng đường bộ được phân cấp quản lý; đồng thời thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo Quy định này và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân liên quan có văn bản đề xuất gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

Mẫu số 01: Thống kê danh mục, đề xuất điều chỉnh đường bộ.

[illegible]

Mẫu số 02: Danh mục đề xuất điều chỉnh đường huyện có trước ngày 01/7/2025 thành đường xã.

[illegible]

Mẫu số 03: Danh mục đường đô thị.

TT	Tên, số hiệu đường đô thị		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Bề rộng Nền/mặt (m)	Kết cấu mặt	Ghi chú
	Tên	Số hiệu						
A	Đường cấp đô thị							
I	Đường trục chính đô thị							
1								
2								
3								
II	Đường chính đô thị							
1								
2								
3								
IV	Đường liên khu vực							
1								
2								
3								
B	Đường cấp khu vực							
I	Đường chính khu vực							
1								
2								
II	Đường khu vực							
1								
2								
III	Đường cấp nội bộ							
1								
2								

Mẫu số 04: Danh mục đường xã, đường thôn; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ.

TT	Tên, số hiệu đường thôn (nếu có)		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Bề rộng Nền/mặt (m)	Kết cấu mặt	Ghi chú
	Tên	Số hiệu						
I	Đường xã							
1								
2								
3								
II	Đường thôn							
1								
2								
3								
III	Đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ							
1								
2								

Mẫu số 05: Văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối vào đường bộ đang khai thác

....(ghi tên cơ quan đề nghị....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng năm

Về việc đề nghị chấp thuận vị trí
đầu nối đường nhánh vào đường
bộ đang khai thác.

Kính gửi:(ghi cơ quan chấp thuận).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quang Trị;

.... (Ghi tên cơ quan, tổ chức đề nghị) đề nghị được đầu nối đường nhánh vào vị trí Km tuyến đường để thực hiện (nêu rõ lý do để thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và/hoặc mục đích khác...).

Tài liệu kèm theo là một, một số hoặc toàn bộ các tài liệu (nếu có): Quyết định duyệt quy hoạch, chủ trương đầu công trình, dự án liên quan đến nút giao đầu nối vào đường..., thiết kế nút giao đầu nối vào đường... và các tài liệu khác liên quan đến nút giao đầu nối.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

(...2...)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06: Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối

....(ghi tên cơ quan chấp
thuận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....

....., ngày tháng ... năm

Về việc chấp thuận vị trí đầu nối
đường nhánh vào đường bộ đang
khai thác.

Kính gửi:(ghi cơ quan, tổ chức có đề nghị).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Sau khi xem xét văn bản số ... , ngày của ... về đề nghị đầu nối vào Km ..., đường thuộc địa bàn và hồ sơ kèm theo (ghi tên hồ sơ nếu có);

.... (ghi tên cơ quan có thẩm quyền) chấp thuận vị trí đầu nối vào Đường.....(tên hoặc số hiệu đường bộ) với nội dung như sau:

- Vị trí đầu nối: Km (phía trái/phải) tuyến đường

- Mục đích đầu nối: Để ... (cơ quan, tổ chức đề nghị) thực hiện (nêu rõ lý do để thực hiện quy hoạch ..., kế hoạch phát triển giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và/hoặc mục đích khác...).

- Các yêu cầu khác (nếu có) khi thực hiện đầu nối vào Km ..., tuyến đường

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(....2....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07: Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác.

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ
NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC
Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối
vào ...(3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến đường)

Kính gửi:(4).....

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự; an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định.... phê duyệt Quy hoạch (văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối – nếu có);

Căn cứ Quyết định.....giao làm chủ đầu tư nút giao (hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có hạng mục nút giao đầu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế ... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu do (5).... lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi thêm số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2)... đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đầu nối vào ... (3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến), do (5).... lập, gửi kèm theo Đơn đề nghị này.

(2)... cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường; không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục

kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);
- (3) Tên, số hiệu đường bộ
- (4) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao
- (5) Tên tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế nút giao.

Mẫu số 08: Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác.

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

Về việc chấp thuận thiết kế nút
giao đầu nối vào ... (3)... tại Km
... (ghi lý trình, phải/trái tuyến).

Kính gửi: (4).....

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quang Trị;

Căn cứ Quyết định.... phê duyệt Quy hoạch (văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối – nếu có);

Căn cứ Quyết định.....giao làm chủ đầu tư nút giao (hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có hạng mục nút giao đầu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế ... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu do (5).... lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi thêm số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đầu nối vào ... (3)... tại Km ... (lý trình, phải/trái tuyến), ... (2).... chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến) kèm theo các yêu cầu khác tại các mục a), b), c)... mục 2 văn bản này;

2. Các yêu cầu khác đối với tổ chức, cá nhân được chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối tại mục 1 văn bản này như sau:

a)

b)

c).....

(Phần ghi các yêu cầu: sửa đổi bổ sung thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao;
- (2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao
- (3) Tên, số hiệu đường bộ
- (4) Tên đơn vị đề nghị chấp thuận nút giao đầu nối
- (5) Tên tổ chức tư vấn.

Mẫu số 09: Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác.

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG
NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC**
Về việc đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối
vào ...(3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến đường)

Kính gửi: (4).....

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quang Trị;

Căn cứ Quyết định.... phê duyệt Quy hoạch (văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối – nếu có);

Căn cứ Quyết định.....giao làm chủ đầu tư nút giao (hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có hạng mục nút giao đầu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế ... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu do (5).... lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi thêm số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2) đề nghị được cấp phép thi công nút giao đầu nối vào... ...(3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến đường) trong thời gian thi công từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ..;

(2) xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác;

(2) xin cam kết thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận và đã được phê duyệt; tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối.
- (3) Tên, số hiệu đường bộ
- (4) Tên đơn vị cấp phép thi công nút giao
- (5) Tên tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế.

Mẫu số 10: Giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THI CÔNG
NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC
Công trình: Nút giao đầu nối..... (1).....
Lý trình: tuyến đường

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ/2025/QĐ-UBND ngày tháng..... năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định.... phê duyệt Quy hoạch (văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối – nếu có);

Căn cứ Quyết định.....giao làm chủ đầu tư nút giao (hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có hạng mục nút giao đầu nối);

Căn cứ văn bản số của ... (2) ... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... ..(3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến đường);

Xét Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(4) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:(4)

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công nút giao đầu nối vào... ..(3)... tại Km ... (ghi lý trình, phải/trái tuyến đường), theo hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gồm các nội dung chính như sau:

a)

b)

c)

3. Các yêu cầu đối với(4)thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../.../202... đến ngày ../.../202...

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công:

(1): Tên công trình nút giao đầu nối.

(2): Tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác.

(3): Tên, số hiệu đường bộ.

(4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.